

Bản án số: **510/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-09-2022

V/v Ly hôn giữa Bà T và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

2. Ông Lê Huỳnh Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc T** - sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Biên T** - sinh năm 1971 (vắng mặt)

Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/06/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Biên T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 22/09/2004. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống

vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay. Do đó Bà T xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đăng T (nam), sinh ngày 24/08/2005 và con chung tên Võ Đăng K (nam), sinh ngày 07/03/2009 do bà Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Biên T: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Ly hôn”, do bị đơn là ông Võ Biên T cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Võ Biên T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2004 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày

22/09/2004. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Biên T là tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay. Do đó bà T xin được ly hôn với ông T.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn không đến, chứng tỏ ông T không có thiện chí cùng bà T xây dựng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc làm cho hôn nhân giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Biên T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 159 quyển số 01/2005 ngày 09/9/2005 và giấy khai sinh số 42 quyển số 01/2009 ngày 25/03/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Võ Đăng T (nam), sinh ngày 24/08/2005 và trẻ Võ Đăng K (nam), sinh ngày 07/03/2009 là con chung của bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Biên T.

Xét thấy, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Võ Đăng T và Võ Đăng K. Tham khảo ý kiến của trẻ T tại đơn khai nguyện vọng ngày 05/07/2022 trẻ khai muốn được sống với mẹ vì mẹ sẽ chăm lo và quan sát việc học và ý kiến trẻ K tại đơn khai nguyện vọng con ngày 05/07/2022 trẻ khai muốn được sống với mẹ vì được mẹ chăm sóc từ nhỏ đến bây giờ. Do đó, việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho trẻ. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Biên T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đăng T (nam), sinh ngày 24/08/2005 và con chung tên Võ Đăng K (nam), sinh ngày 07/03/2009 do bà Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Biên T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Biên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Ngọc T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Võ Biên T không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0018781 ngày 22/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Võ Biên T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân